

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+CLO	7:25	11+11	0+0		0+22	0+0	
2		TD1+P4+TD2	7:25	11+8+1	0+0+0		10+0+12	0+0+0	
3		VSP01+BK4+PPD	7:25	2+0+14	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
4		CLO+RP3+CTK3	9:25	3+14+0	0+0+0		2+18+2	0+0+0	
5		P4+PPD	9:25	16+0	0+0		0+22	0+0	
6		RP2+P3+P4	9:25	5+0+13	0+0+0		7+0+15	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ RP2-P3
7		TD3	11:30	22	0		22	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ĐÔI CA TD3 PHỤ THUỘC VÀO TIẾN ĐỘ ĐẶT GIÀN VÀO VỊ TRÍ.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/10/2018	TO: P7 - CLO	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - HUY	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG TU	P7	65-66	2	10		69	DUY LINH	Vietnamese
2	NGUYỄN LÊ QUANG VY	P7	63-64	2	16		54	DUY LINH	Vietnamese
3	HỒ MINH TOÀN	P7	62	1	8		62	DUY LINH	Vietnamese
4	BUI ĐÌNH THANH	P7	58-59	2	10		79	DUY LINH	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LUÂN	P7	60-61	2	10		56	DUY LINH	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG DÂN	P7	55-56	2	15	70	71	DUY LINH	Vietnamese
7	DU ĐANH TUYẾN	P7	54	1	5		81	DUY LINH	Vietnamese
8	LÊ CHÍ CƯỜNG	P7	57	1	6		50	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN MAI CƯỜNG	P7					60	PSV	Vietnamese
10	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	04	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN THANH	CLO	06	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
12	LUƠNG NGỌC KHUÔNG	CLO	07	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	CLO					85	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN KHANG	CLO					74	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM MINH HOÀNG	CLO	44	1	4	30	95	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN CHÍ NGHIỆP	CLO	05	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN THANH TÂM	CLO	08	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
18	BUI TRƯỞNG SINH	CLO	09	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ VĂN BÌNH	CLO					67	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN ĐĂNG KHOA	CLO	45	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN ĐÌNH KHAI	CLO	12	1	6		69	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

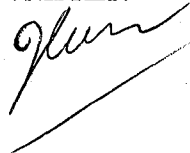
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	9	13	80	582	70	0		
2	CLO	12	9	50	905	30	22		
TOTAL		21	22	130	1.487	100	22		
WEIGHT KG				130	1.487	100			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/10/2018	TO: TD1 - P4 - TD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Vận - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG TUAN ANH*TT	TD1	10	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
2	ĐINH VĂN ĐIỀN	TD1	03	1	2		78	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC DŨNG	TD1					68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THANH	TD1	06	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ VĂN KIẾN	TD1	04	1	7	40	78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT CHUÔNG	TD1	11	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NAM	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	09	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN PHONG	TD1	05	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM HUY ĐÌNH	TD1	01-02	2	13		58	T-TIN	Vietnamese
11	MAI SINH CUNG	TD1	07-08	2	14		64	T-TIN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	65	1	5		68	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	P4					72	KHI	Vietnamese
14	BUI THANH AN	P4	70	1	5	70	65	KHI	Vietnamese
15	NGÔ VĂN HÀ	P4					75	KHI	Vietnamese
16	HOANG VAN HUNG	P4	71	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	69	1	5		57	KHI	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN HUYỀN	P4	68	1	4		73	KHI	Vietnamese
19	PHẠM HỮU THỌ	P4	66-67	2	15		65	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THỰC	TD2	01	1	10	12	83	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	11	11	57	752	40	10		
2	P4	8	7	39	545	70	0		
3	TD2	1	1	10	83	12	12		
TOTAL		20	19	106	1.380	122	22		
WEIGHT KG				106	1.380	122			

GRAND TOAL: 1.608 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05-Oct-18	TO: VSP01 - BK4 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Trường	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯƠNG ANH TUÂN	VSP01	93	1	7		73	LIÊN HIỆP	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT GIANG	VSP01	94-95	2	18	40	72	LIÊN HIỆP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	PPD	36	1	3		65	KHI	Vietnamese
4	ĐINH NGỌC QUY	PPD	37	1	5		67	KHI	Vietnamese
5	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	33	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	VÔ QUANG ĐẠT	PPD					65	KHI	Vietnamese
7	LÊ HỒNG PHONG	PPD	32	1	10		78	KHI	Vietnamese
8	TRƯỜNG HAI HÀ	PPD	42	1	4		69	KHI	Vietnamese
9	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	34	1	3		63	KHI	Vietnamese
10	ĐÀO ANH TUÂN	PPD	41	1	5	35	67	KHI	Vietnamese
11	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	PPD	35	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN XÂM	PPD	43-44	2	15		66	KHI	Vietnamese
13	TRẦN DOÀN HƯƠNG	PPD					79	KH-THAC	Vietnamese
14	QUÁCH SỸ TY	PPD	38	1	3		62	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	PPD	45	1	3		73	PSV	Vietnamese
16	PHẠM QUỐC TU	PPD	39-40	2	10		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	2	3	25	145	40	0		
2	BK4	0	0	0	0	40	1		
3	PPD	14	14	71	959	115	21		
TOTAL		16	17	96	1.104	195	22		
WEIGHT KG				96	1.104	195			

GRAND TOAL: 1.315 KGS + 80kg

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/10/2018	TO: CLO - RP3 - CTK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - HUY	ETA: 11:20
XANH-2.			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	CLO	14	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ PHÚ PHÚC	CLO	13	1	8		82	DVL	Vietnamese
3	ĐẶNG HAI HÀ	RP3	09-10	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÌNH HOÀI ĐỨC	RP3					70	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANG NAM	RP3	06	1	6		82	KHI	Vietnamese
6	VŨ MẠNH CƯỜNG	RP3	01	1	3		69	KHI	Vietnamese
7	LÊ HOANG ANH	RP3	13	1	5	115	68	KHI	Vietnamese
8	BUI VĂN PHÚ	RP3	02	1	4	60	74	KHI	Vietnamese
9	KRYLOV D.V	RP3	12	1	10		110	KHI	Russian
10	NGUYỄN TẤT THANH	RP3	03-04	2	17		68	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	07	1	8		85	KHI	Vietnamese
12	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	11	1	5		75	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3					70	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN BÌNH	RP3	08	1	3		65	KHI	Vietnamese
15	LẠI VĂN MINH	RP3	05	1	4		63	KHI	Vietnamese
16	TÀ PHI KHÁNH	RP3					72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	2	2	12	145	0	2		
2	RP3	14	13	82	1.046	175	18		
3	CTK3	0	0	0	0	20	2		
TOTAL		16	15	94	1.191	195	22		
WEIGHT KG				94	1.191	195			

GRAND TOAL: 1.480 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/10/2018	TO: P4 - P10 - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Vận - THỤ	ETA: 11:25
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG TRỌNG TÂN	P4	03	1	4		70	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	05	1	3		68	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG KIỂM	P4	06	1	5		80	KHI	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THAI	P4	10	1	4		63	KHI	Vietnamese
5	DƯƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	09	1	10	28	70	KHI	Vietnamese
6	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	08	1	5	40	87	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ANH	P4	07	1	5		65	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	01	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	04	1	8		64	KHI	Vietnamese
10	SADITROV A.S	P4	02	1	8		70	KH-THAC	Russian
11	NGUYỄN CÔNG PHU	P4	13	1	12		80	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY HOÀNG	P4	14-15	2	18		69	CODIEN	Vietnamese
13	TRẦN BÌNH THUẬN	P4	11	1	8		70	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THAI PHƯƠNG	P4	21	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH HÙNG	P4	12	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	16	115	1.068	68	0		
2	P10	0	0	0	0	0	1		
3	PPD	0	0	0	0	82	21		
TOTAL		15	16	115	1.068	150	22		
WEIGHT KG				115	1.068	150			

GRAND TOAL: 1.333 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05-Oct-18	TO: RP2 - P3 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: <i>Phong M. Tuan</i> - Trường	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ANH TUÂN	RP2	03	1	5		73	TECMACH	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TRUNG	RP2	05	1	6		65	TECMACH	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG HẬU	RP2	04	1	5	120	73	TECMACH	Vietnamese
4	TRỊNH PHẠM THANH	RP2	02	1	6		60	TECMACH	Vietnamese
5	TRẦN TRUNG HIỆP	RP2	01	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC CHUNG	P4	84-85	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG THOÀ	P4	83	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
8	HUỲNH ĐỨC TÂM	P4	82	1	7		63	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG QUAN	P4	86	1	9		55	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN VĂN ĐỨC	P4	80-81	2	10		72	XAYLAP	Vietnamese
11	DƯƠNG THẾ HUY	P4	88	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN HỒNG THANH	P4	77-78	2	21		70	XAYLAP	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN TIẾP	P4	79	1	5		58	NIPI	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH TUÂN	P4	87	1	8		60	NIPI	Vietnamese
15	VŨ HỒNG OANH	P4	76	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	P4	96	1	5		58	PSV	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC CƯỜNG	P4	89	1	6		52	PSV	Vietnamese
18	BUI VĂN MƯỜI	P4	90	1	3		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	5	5	27	336	120	7	2	CHUYEN 2 PAX RP2 SANG P3
2	P3	0	0	0	0	0	0		
3	P4	13	16	115	822	0	15		
TOTAL		18	21	142	1.158	120	22		
WEIGHT KG				142	1.158	120			

GRAND TOAL: 1.420 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/10/2018	TO: TD3	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - HUY	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KODZOIEV M.M	TD3	40	1	10		94	KHOAN	Russian
2	SOROKA ANTOLY	TD3	53	1	10		120	KHOAN	Russian
3	TRẦN HỮU THỌ	TD3	43	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG MINH TOAN	TD3	42	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
5	TRANG NGOC HUNG	TD3	51	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VIỆT DUNG	TD3	55-56	2	12		71	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	54	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
8	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	39	1	3		85	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	38	1	6		90	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ MẠNH THĂNG	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
11	NGO VĂN CHUNG	TD3	36	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	52	1	2		82	KHOAN	Vietnamese
13	LƯƠNG XUÂN ĐƯỢC	TD3					70	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD3	45	1	2		78	PSV	Vietnamese
15	VƯƠNG ĐỨC HUY	TD3	48	1	11		98	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG	TD3	41	1	4		70	PSV	Vietnamese
17	QUÁCH ĐẶC THẬN	TD3	47	1	4		51	PSV	Vietnamese
18	HOANG VĂN THĂNG	TD3	37	1	3		53	PSV	Vietnamese
19	NGO VĂN QUYNH	TD3	44	1	5		72	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN PHU QUANG	TD3	50	1	4		60	PSV	Vietnamese
21	PHẠM VĂN DUÂN	TD3	46	1	4		74	PSV	Vietnamese
22	PHAN SY CAO	TD3	49	1	3		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	21	104	1.631	0	22		
TOTAL		22	21	104	1.631	0	22		
WEIGHT KG				104	1.631	0			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RCDM+RC4-CLO+TD2	7:25	3+6+13	0+0+0		0+2+18	0+0+0	
2		TD2+BK8+PPD	9:25	10+6+3	0+0+0		0+0+22	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2018	TO: RCDM - RC4 - CLO - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - Toan	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN TRƯỜNG	RCDM	99	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN BA THUẬN	RCDM	98	1	11	20	65	CODIEN	Vietnamese
3	LE CONG HAI	RCDM	600,06	2	7		60	CODIEN	Vietnamese
4	TRAN QUANG HUY	RC4	97,58	1	13		65	DVL	Vietnamese
5	TRƯƠNG QUYẾT THẮNG	CLO	49	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
6	BELYAEV C.A	CLO	19	1	10		86	KH-THAC	Russian
7	LẠI ANH TUẤN	CLO	20	1	10	36	95	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN GIA CUƠNG	CLO	23,46	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	CLO	21	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐO VĂN HIẾU	CLO	22	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ HAI SƠN	TD2	18	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
12	DƯƠNG HAI BANG	TD2	96	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
13	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	93	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
14	HỒ VĂN HUNG	TD2	17	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN TỰ	TD2	91	1	3	55	71	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD2	95	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN MINH	TD2	94	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	20	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HUNG	TD2	98	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	92	1	3		52	KHOAN	Vietnamese
21	HỒ CHÍ CÔNG	TD2	97	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	19	1	7		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	3	4	28	200	20	0		
2	RC4	1	1	13	65	0	1		
3	CLO	6	7	62	476	36	2		
4	TD2	12	12	62	839	55	18		
TOTAL		22	24	165	1.580	111	21		
WEIGHT KG				165	1.580	111			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2018	TO: TD2 - BK8 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - Toan	ETA: 11:50
XAMH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN HUNG	TD2	03	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
2	LE LONG	TD2	07-08	2	5		63	KHOAN	Vietnamese
3	SUSTAVOV	TD2	06	1	5		105	D-HANH	Russian
4	NGUYEN BA HUNG	TD2	12-13	2	11		81	DVL	Vietnamese
5	ĐO THANH HAI	TD2	09	1	5		66	DVL	Vietnamese
6	VUONG KIEN QUOC	TD2	14	1	7		77	DVL	Vietnamese
7	CU NGOC HONG	TD2	05	1	6		80	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC BAO	TD2	04	1	10		83	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN HUU TIET	TD2	11	1	12		75	DVL	Vietnamese
10	NHAM ĐUC TUAN	TD2	10	1	8		70	DVL	Vietnamese
11	TRAN QUOC DAI	BK8	01-02	2	16		78	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN QUANG VU	BK8	67	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
13	VU VIET HUAN	BK8	03	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TAN PHONG	BK8	66	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
15	SALAKHOV	PPD	05	1	8		99	ANTOAN	Russian
16	DUONG VAN TUAN	PPD	02	1	10	60	63	XAYLAP	Vietnamese
17	LE XUAN TUNG	PPD	03-04	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	10	12	72	778	0	0		
2	BK8	4	5	44	280	0	0		
3	PPD	3	4	38	226	60	22		
TOTAL		17	21	154	1.284	60	22		
WEIGHT KG				154	1.284	60			

GRAND TOAL: 1.498 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+TD3+CTK3+P9	7:25	17+3+0+2	0+0+0+0		11+1+0+10	0+0+0+0	CHUYẾN 3 PAX CTK3-P10; CHUYẾN 2 PAX CTK3-P9
2		P4+TD3+TD5	9:25	8+0+12	0+0+0		1+7+13	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2018	TO: P4 - TD3 - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VThắng - Phong - Huy	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG HÂN	P4	30-31	2	18	15	62	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN NHẬT LINH	P4	22	1	14		73	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC QUYẾT	P4	23	1	10	50	63	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN BA QUÝ	P4	28-29	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	P4	25	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	32	1	7		58	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ HUY CHUÔNG	P4	26-27	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	P4	24	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN THAI AN	TD3	99	1	6		71	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH THU	TD5	33-34	2	8		70	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	32	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
12	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	30	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH TÚE	TD5	40	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
14	TÔ THANH HÙNG	TD5	36-37	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN MINH CÔNG	TD5	31	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN CAO KHANH	TD5	29	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
17	ĐOÀN CAO DANH	TD5	39	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	ĐÌNH ĐỨC KIẾN	TD5	35	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	38	1	2	20	85	KHOAN	Vietnamese
20	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	TD5	15-16	2	15		58	YTE	Vietnamese
21	TRẦN ĐỨC THUẬN	TD5	41	1	10		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	8	11	109	520	65	0		
2	TD3	1	1	6	71	0	8		
3	TD5	12	15	74	823	20	14		
TOTAL		21	27	189	1.414	85	22		
WEIGHT KG				189	1.414	85			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2018	TO: RP2 - TD3 - CTK3 - P9	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - Phong - Huy	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GOLOVIN G.V	TD3	69	1	7		110	KHOAN	Russian
2	VUONG HUU QUOC THAI	TD3	70	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN NGOC TUAN	TD3	78	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
4	VU TRONG NGHIA	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
5	BUI ANH TU	TD3	74	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN BINH	TD3	77	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
7	DAO LE XUAN SON	TD3	81	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	KHONG QUOC HUNG	TD3	72	1	4	20	65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG NAM	TD3	71	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG THANH TU	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN THANH	TD3	79	1	11		80	DVL	Vietnamese
12	MULNIUCHKIN O.A	TD3	68	1	10		92	DVL	Russian
13	NGUYEN CHI LINH	TD3	73	1	6		82	DVL	Vietnamese
14	PHAN DANG TUAN	TD3	80	1	10		55	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NAM	TD3	76	1	12		77	DVL	Vietnamese
16	PHAN THANH TINH	TD3	75	1	15		70	DVL	Vietnamese
17	TRAN VAN PHUC	CTK3	26	1	13		71	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN MANH CUONG	CTK3	22-23	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
19	CHU VAN HAY	CTK3	24-25	2	15		82	XAYLAP	Vietnamese
20	LAM NHAT MINH	P9	51	1	10	55	73	CODIEN	Vietnamese
21	DUONG HUU THUAN	P9	52	1	5	20	72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	0	0	0	0	0	1		CHUYEN 03 PAX TU CTK3 SANG P9
2	TD3	16	14	110	1.197	20	10		
3	CTK3	3	5	48	225	0	1	23	
4	P9	2	2	15	145	75	10		
TOTAL		21	21	173	1.567	95	22		
WEIGHT KG				173	1.567	95			

GRAND TOTAL: 1.835 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK5+BK6+P1	7:25	6+4+12	0+0+0		2+7+13	0+0+0	
2		HSD+TGT+H5+AMD	7:25	3+2+17	0+0+0		3+2+17	0+0+0	
3		VSP02+BK8+P1	7:25	3+5+14	0+0+0		0+8+14	0+0+0	
4		TD1+P2	7:25	4+18	0+0		0+22	0+0	Chuyen 3 pax td1-p2
5		P4+P2+rp3-CLO	9:25	19+2+1	0+0+0		11+9+2	0+0+0	LAY HANG RP3
6		P7+P4	9:25	13+9	0+0		3+19	0+0	
7		VSP01+P11+P5	9:25	1+16	0+0		2+20	0+0	
8		AMD+P7	9:25	13+9	0+0		0+22	0+0	
9		AMD+BK5	11:25	17+5	0+0		12+8	0+0	
10		P2+P3	11:25	12+10	0+0		5+17	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/5 người td3 về qua p2; 4 người đi bk5 về trong ngày

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/10/2018	TO: BK5 - BK6 - P1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hòì - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

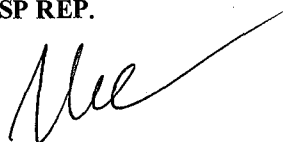
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐĂNG TÂM	BK5				20	64	D-HANH	Vietnamese
2	MIRSAIAPOV	BK5	51	1	4		104	D-HANH	Russian
3	TRẦN VĂN TUNG	BK5	55	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐO HIỆP PHU	BK5	53	1	2		52	ANTOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN TẬP	BK5	52	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	54	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN CỬ	BK6	29	1	3	30	67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH HẢI	BK6	24	1	9	14	72	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI TRẦN VIỆT	BK6	23	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC AN	BK6	26	1	5		59	PSV	Vietnamese
11	TSOPANOV A.V	P1	16	1	9	40	99	KH-THAC	Russian
12	SHENSHYN D.	P1	18-19	2	15	80	101	KH-THAC	Russian
13	TRẦN HỮU DŨNG	P1	22	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	P1	14	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN TRUNG CHÍNH	P1					66	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NGỌC HẢI	P1	17	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	21	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HOANG NHAN	P1	23	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY HUNG	P1	25-26	2	14		73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THUY	P1	24	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM BA NGÂN	P1	15	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐO XUAN CHUONG	P1	20	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

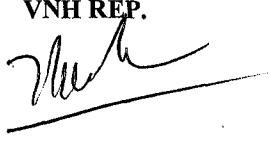
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	6	5	19	411	20	2		
2	BK6	4	4	23	266	44	7		
3	P1	12	13	83	908	120	13		
TOTAL		22	22	125	1.585	184	22		
WEIGHT KG				125	1.585	184			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/10/2018	TO: HSD - TGTH5 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH HÙNG	HSD	92,94	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VIỆT PHƯƠNG	HSD	99	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TÍNH	HSD	97-98	2	14		64	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VINH QUANG	TGTH5	11,27	2	8		66	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG VIỆT	TGTH5	25-26	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HAI	AMD	10	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
7	LÀ NGỌC HOÀN	AMD	23	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG NHẬT QUANG	AMD	16	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯỜNG THẾ HIỀN	AMD	07	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	08	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THANH BÌNH	AMD	14	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG THANH	AMD	18	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
13	CHU HỮU CHÍNH	AMD	11	1	5	80	54	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG NGỌC ANH	AMD	21-22	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	50,09	2	15		87	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ THANH DANH	AMD	17	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÌNH TRƯỜNG PHI	AMD	13	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHI MẠNH HAI	AMD	20	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NHÀ	AMD	15	1	9		57	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO BA THANH	AMD	12	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ĐÌNH TUÂN	AMD	19	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG ANH SƠN	AMD	24	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

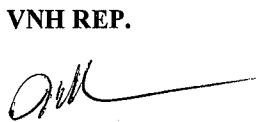
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	3	5	34	209	0	3		
2	TGTH5	2	4	20	136	0	2		
3	AMD	17	19	124	1.162	80	17		
TOTAL		22	28	178	1.507	80	22		
WEIGHT KG				178	1.507	80			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2018	TO: VSP02 - BK8 - P1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Vận - HIẾU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC TUẤN	VSP02	24-25	2	12		74	ĐK09	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN HOÀNG	VSP02	26	1	5	30	74	ĐK09	Vietnamese
3	PHẠM THANH HÀ	VSP02	23	1	11		64	KH-THAC	Vietnamese
4	CAO VĂN ĐẬU	BK8	68	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO VĂN MÂY	BK8	06	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VIỆT CƯỜNG	BK8	05	1	3	39	53	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HOÀNG GIANG	BK8					84	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN THỊNH	BK8	69	1	7		65	PSV	Vietnamese
9	PHẠM ANH SƠN	P1	43	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ KIẾN TRUNG	P1	50	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	52	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ NAM CƯỜNG	P1	44	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
13	VÔ HỒNG HAI	P1	45-46	2	15		63	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯƠNG ĐÌNH KHUÊ	P1	48	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	47	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ QUANG ANH	P1	49	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN THẮNG	P1	40	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P1	51	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGUYỄN PHONG	P1	55	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG TUẤN ANH	P1	41	1	6	60	90	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN VŨ HÙNG	P1	42	1	8		83	CODIEN	Vietnamese
22	PHẠM MINH TOÀN	P1	53-54	2	17		58	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	3	4	28	212	30	0		
2	BK8	5	4	21	344	39	8		
3	P1	14	16	97	957	60	14		
TOTAL		22	24	146	1.513	129	22		
WEIGHT KG				146	1.513	129			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/10/2018	TO: TD1 - P2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNam	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI QUANG TUYNH	TD1	17	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN TRINH QUOC VUONG	TD1	15	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
3	LUONG HUNG TRIET	TD1	14	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
4	LE HAI NGAN	TD1	16	1	11		52	KHOAN	Vietnamese
5	BUI NGOC HUONG	P2	400	1	5	110	63	KHI	Vietnamese
6	DANG PHUC THANG	P2					81	KHI	Vietnamese
7	KHONG TIEN DUNG	P2	78	1	6		75	KHI	Vietnamese
8	Dinh Gia Truyen	P2	87-88	2	14		50	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG HAI	P2	85-86	2	12		68	KHI	Vietnamese
10	VÔ DUY TOÀN	P2	76	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
11	PARSHIN	P2	81	1	11		86	KH-THAC	Russian
12	ĐO VĂN ĐANG	P2	84	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	81	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
14	LE NGOC HUNG	P2	77	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH NAM	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
16	LE ANH VU	P2	80	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN QUOC TRUNG	P2	79	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ NGHĨA TÀI	P2	800	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VAN THAI	P2	82	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN HUNG	P2	83	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VAN THIEN	P2	89	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ HUY QUYNH	P2					65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

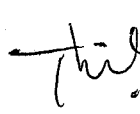
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	4	4	40	250	0	0	0	CHUYEN 03 PAX TU TD1 SANG P2
2	P2	18	17	104	1.195	110	22		
TOTAL		22	21	144	1.445	110	22		
WEIGHT KG				144	1.445	110			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/10/2018	TO: P4 - P2 - RP3 - CLO	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hồi - KHOAN - Năm	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MARZIEV	P4	43	1	15		82	KH-THAC	Russian
2	VLASOV	P4					95	KH-THAC	Russian
3	ĐỖ HỮU NAM	P4	50	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN SĨ TUẤN	P4					62	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN ANH ĐỨC	P4	39	1	5	100	86	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN VINH	P4	49	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO MINH TUẤN	P4	46	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	48	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	37	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN CHIẾN	P4	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI THANH CAM	P4	51	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN CÔNG TÍNH	P4					66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NAM	P4	53	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	47	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM TRẦN TUẤN AN	P4	40-42	3	12		77	KH-THAC	Vietnamese
16	LAM VĂN PHÚC	P4	45	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN THANH SƠN	P4	52	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
18	LAM XUÂN HẢI	P4	38	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ SỸ VANG	P2	03	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
20	HA VĂN NIN	P2	02	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
21	ANDRIUSHENKO	CLO	50	1	5	20	122	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	18	17	101	1.317	100	11		GUI BỘ MẠCH ĐIỆN TỬ VỀ BỘ (RP3 - VT)
2	P2	2	2	11	136	0	9		
3	RP3	0	0	0	0	0	0		
4	CLO	1	1	5	122	20	0		
TOTAL		21	20	117	1.575	120	20		
WEIGHT KG				117	1.575	120			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2018	TO: P7 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - NNam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG QUỐC VƯƠNG	P7	05	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH HOAI NAM	P7	10	1	12	5	87	KH-THAC	Vietnamese
3	MAI VĂN SƠN	P7	11-12	2	10	55	60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN BÁC	P7	03	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HỮU DƯƠNG	P7	08-09	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC SƠN	P7					79	KH-THAC	Vietnamese
7	TRINH VĂN PHƯỢNG	P7					80	KH-THAC	Vietnamese
8	DOÀN ĐÌNH PHẠC	P7	06-07	2	8		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LAM ĐĂNG GIANG	P7					77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN GIA CHUNG	P7	02	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUÝ TRUNG	P7	13	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH VĂN TOÀN	P7	01	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN BA SƠN	P7	04	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
14	TRƯỜNG ĐÌNH MINH	P4	06	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	P4	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC MINH	P4	09	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG KHÁC DU	P4	01	1	4	25	73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HUNG BAY	P4	07	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC NHAN	P4	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	LẠI MINH HOANG	P4	02	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VĂN TRUNG	P4	04	1	6		69	YTE	Vietnamese
22	NGUYỄN HUU THANH	P4	08	1	8		63	DKIEM	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	13	13	77	933	60	3		
2	P4	9	9	46	621	25	19		
TOTAL		22	22	123	1.554	85	22		
WEIGHT KG				123	1.554	85			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2018	TO: VSP01 - P11 - P5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Vận - HIẾU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC MINH	VSP01	10	1	12	65	65	CODIEN	Vietnamese
2	VU ANH TUAN	P11	90	1	9		68	CO KHI	Vietnamese
3	TRAN NAM TRUNG	P11	88-89	2	19		85	COKHI	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	23	1	6	50	79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT HUNG	P5	20	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔNG XUÂN SINH	P5	19	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	12	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	24	1	5	13	76	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN MINH THANH	P5	11	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	18	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI TRỌNG NGHĨA	P5	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN CAO MẠNH	P5	25	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	P5	21-22	2	20		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SƠN	P5	13	1	9		75	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P5	09-10	2	20		65	PSV	Vietnamese
16	LÊ XUÂN TÌNH	P5	16	1	5		69	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH GIÀU	P5	14	1	4		65	PSV	Vietnamese
18	PHAN VĂN HỒNG	P5	15	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	LÊ HAI HOA	P5	17	1	6		84	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	1	1	12	65	65	2		
2	P11	2	3	28	153	0	0		
3	P5	16	18	115	1.122	63	20		
TOTAL		19	22	155	1.340	128	22		
WEIGHT KG				155	1.340	128			

GRAND TOAL: 1.623 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2018	TO: AMD - P7	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNam	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM ANH DUC	AMD	84	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRUONG LE ANH DUNG	AMD	37	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN DUY PHUONG	AMD	97	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG CONG TAN	AMD	90	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUNG KIEN	AMD	85-86	2	14		88	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CONG DUNG	AMD	92	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO VAN BAC	AMD	99	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LE HUU HA	AMD	91	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	VU NGOC DUONG	AMD	95-96	2	10	20	70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM THAI SON	AMD	93-94	2	17		55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN LEM	AMD	89	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG DUC HAI	AMD	98	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	HA QUANG HUY	AMD	98	1	7	14	68	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO KINH THAO	P7	39	1	14		70	T-TIN	Vietnamese
15	VU ANH MINH	P7	37	1	10	27	70	T-TIN	Vietnamese
16	LE HUY TAN	P7	28	1	7	18	65	YTE	Vietnamese
17	DAO TUAN CHU	P7	35	1	5		67	PSV	Vietnamese
18	DO LY KHANH	P7	38	1	5	20	88	PSV	Vietnamese
19	LE HUU LONG	P7	32	1	3		55	PSV	Vietnamese
20	PHAM VAN TAI	P7	34	1	5		78	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN HONG DUONG	P7	33	1	4		53	PSV	Vietnamese
22	TRAN VAN THUAT	P7	31	1	10		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	13	16	131	909	34	0		
2	P7	9	9	63	611	65	22		
TOTAL		22	25	194	1.520	99	22		
WEIGHT KG				194	1.520	99			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2018	TO: AMD - BK5	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hồi - KHOÀN - Năm	ETA: 13:10
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	AMD	37	1	15	15	65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG DOÀN DỪNG	AMD	46	1	7	3	75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT HÙNG	AMD	50	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH LE BAO THANH	AMD	43	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN THANH CUONG	AMD	41-42	2	15		69	KH-THAC	Vietnamese
6	VU HUY HOANG	AMD	36	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ANH DUC	AMD	31-32	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
8	VU VAN QUANG	AMD	33	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THANG	AMD	30	1	15		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN TRUONG	AMD	34-35	2	15		59	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NANG	AMD	39	1	10		55	PSV	Vietnamese
12	LE VAN THIEN	AMD	48	1	9		67	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CUONG	AMD	40	1	5		59	PSV	Vietnamese
14	TRAN VAN TRUNG	AMD	44	1	3		58	PSV	Vietnamese
15	PHAM TUAN THANH	AMD	45	1	5		72	PSV	Vietnamese
16	TRAN CAO TANG	AMD	47	1	5		73	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC THINH	AMD	49	1	10		60	PSV	Vietnamese
18	BUI THE DUONG	BK5	59	1	15		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC HUNG	BK5	57-58	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
20	LA TUAN LINH	BK5	60-61	2	15	30	69	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN NGOC TUAN ANH	BK5	62	1	15		76	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	20	1	10		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	20	157	1.100	18	12		
2	BK5	5	7	70	329	30	8		
TOTAL		22	27	227	1.429	48	20		
WEIGHT KG				227	1.429	48			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2018	TO: P2 - P3	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - NNam	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG QUANG TẾ	P2	10	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ CHÈ LINH	P2	12	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THANH HIỀN	P2	11	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG TÂN QUÂN	P2	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN NAM	P2	09	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THAI BÌNH	P2	18-19	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN PHÚC ANH ĐÔNG	P2	08	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ CÔNG LƯU	P2	07	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VĂN SƠN	P2	13	1	14		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P2	14	1	8	45	76	KH-THAC	Vietnamese
12	FIRSOV	P2	04-05	2	13		97	ANTOAN	Russian
13	VŨ DUY KHUÔNG	P3	64	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VĂN THANH	P3	62	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
15	LAM TUÂN KHAI	P3	70	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI TUÂN ĐẠT	P3	61	1	3	35	65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ KHAI ĐẠT	P3	67-68	2	15		90	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG TRUNG	P3	63	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	CHAU ĐÌNH TỰ	P3	69	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN TUỆ	P3	66	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ ĐỨC HÙNG	P3	65	1	10		88	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ VĂN QUYÊN	P3	71	1	4		54	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	12	13	88	866	45	4		
2	P3	10	11	71	688	35	17		
TOTAL		22	24	159	1.554	80	21		
WEIGHT KG				159	1.554	80			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN